

BẢO HỘ QUYỀN CỦA NGƯỜI BIỂU DIỄN THEO LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM

● TRẦN QUANG THỌ

TÓM TẮT:

Bài viết này sẽ hệ thống lại các quy định của pháp luật, phân tích, đánh giá hiệu quả áp dụng của các quy định pháp luật Việt Nam trong sự tương quan so sánh với các quy định của các Điều ước quốc tế, để qua đó rút ra được những hạn chế, bất cập và đề xuất phương hướng, góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo hộ quyền của người biểu diễn.

Từ khóa: quyền của người biểu diễn, bảo hộ quyền liên quan theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Với xu thế hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới, vấn đề bảo hộ đối với các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ có ý nghĩa hết sức to lớn cho sự phát triển của nền kinh tế, cũng như bảo đảm tốt cho sự phát triển ổn định và bền vững của xã hội bảo hộ quyền liên quan, trong đó có nhóm quyền của người biểu diễn. Tuy nhiên, tại Việt Nam, do tính chất phức tạp của loại quyền này cũng như do nhận thức của các chủ thể liên quan còn hạn chế nên công tác bảo hộ quyền của người biểu diễn còn gặp nhiều khó khăn. Để góp phần nâng cao hiệu quả của công tác bảo hộ quyền của người biểu diễn, các chủ thể liên quan, trước hết là người biểu diễn cần nắm vững quy định của pháp luật về quyền của người biểu diễn, cũng như lý giải được tại sao pháp luật công nhận quyền của người biểu diễn và điều kiện để buổi

biểu diễn được bảo hộ. Vì vậy, việc hệ thống lại các quy định của pháp luật, phân tích, đánh giá hiệu quả áp dụng của các quy định pháp luật Việt Nam trong sự tương quan so sánh với các quy định của các Điều ước quốc tế, để qua đó rút ra được những hạn chế bất cập và đề xuất phương hướng, góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo hộ quyền của người biểu diễn là rất quan trọng và cần thiết.

2. Các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền của người biểu diễn

2.1. Cuộc biểu diễn được bảo hộ theo pháp luật Việt Nam hiện hành

Các công ước quốc tế và pháp luật quốc gia đã công nhận và quy định về quyền của người biểu diễn. Theo đó, những người tham gia thể hiện cuộc biểu diễn mà phổ biến là những người tham gia trình bày các tác phẩm văn học nghệ thuật và

khoa học mới được hưởng các quyền của người biểu diễn. Để xác định thế nào là một tác phẩm văn học nghệ thuật và khoa học lại cần đối chiếu với khái niệm tác phẩm theo quy định của pháp luật từng nước. Theo luật Việt Nam, tác phẩm là “sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào” [16, Điều 4, khoản 7]. Do vậy, mọi thành quả của quá trình sáng tạo trong văn học, nghệ thuật hay khoa học đã được định hình đều có thể trở thành đối tượng để biểu diễn và khi các thành quả của quá trình sáng tạo này được biểu diễn sẽ trở thành đối tượng bảo hộ quyền liên quan, còn người biểu diễn các thành quả đó sẽ được hưởng các quyền của người biểu diễn theo quy định pháp luật.

Theo Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định cuộc biểu diễn được bảo hộ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Cuộc biểu diễn do công dân Việt Nam tại Việt Nam hoặc nước ngoài; Cuộc biểu diễn do người nước ngoài thực hiện tại Việt Nam; Cuộc biểu diễn được định hình trên bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ theo quy định tại Điều 30 của Luật này; Cuộc biểu diễn chưa được định hình trên bản ghi âm, ghi hình mà đã phát sóng được bảo hộ theo quy định tại Điều 31 của Luật này; Cuộc biểu diễn được bảo hộ theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên [16, Điều 17, Khoản 1]. Như vậy, để một cuộc biểu diễn được bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam phải đáp ứng các điều sau đây:

Thứ nhất, theo nguyên tắc hiệu lực lãnh thổ của quyền tác giả thì nơi thực hiện cuộc biểu diễn cũng là một trong những điều kiện bảo hộ cuộc biểu diễn. Ngoài các nguyên tắc được quy định trong các Điều ước quốc tế như nguyên tắc đối xử công dân, nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (Hiệp định TRIPS) tại Khoản 1, Điều 17 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định với các cuộc biểu diễn mà người biểu diễn là công dân Việt Nam dù được thực hiện tại Việt Nam hoặc nước ngoài đều được pháp luật Việt Nam bảo hộ. Ngoài ra, cuộc biểu diễn do người

nước ngoài thực hiện tại Việt Nam cũng được bảo hộ theo pháp luật Việt Nam và một số trường hợp cụ thể khác theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, một trong các điều kiện để cuộc biểu diễn được bảo hộ là cuộc biểu diễn đó được thực hiện lần đầu hoặc được định hình lần đầu (điều kiện về hình thức hoặc thực hiện). Quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn phát sinh kể từ khi cuộc biểu diễn được định hình hoặc thực hiện mà không gây phương hại đến quyền tác giả.

3. Thực trạng xâm phạm quyền của người biểu diễn ở Việt Nam

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng trong việc thúc đẩy sự sáng tạo, phát triển kinh tế, văn hóa và trở thành điều kiện tiên quyết trong hội nhập quốc tế của mỗi quốc gia. Việt Nam đã tham gia và thực hiện Công ước Rome 1961 về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng; Công ước Geneva bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống lại việc sao chép không được phép bản ghi âm của họ; Hiệp định Trip 1994 về những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ... Tại Việt Nam nhiều năm qua cũng đặc biệt quan tâm đến công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, nhiều văn bản pháp lý liên quan đã được xây dựng và đưa vào thực thi.

Tuy nhiên, hoạt động thực thi chưa đạt kết quả như mong muốn. Tình trạng xâm phạm quyền liên quan vẫn tiếp tục diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực từ báo chí, xuất bản, điện ảnh, nhiếp ảnh, sân khấu, âm nhạc, tạo hình, kiến trúc, chương trình máy tính đến phát thanh, truyền hình. Việc sao chép bất hợp pháp, bản ghi âm, ghi hình đang là vấn đề rất đáng báo động. Tình trạng xâm phạm quyền liên quan nói chung và quyền của người biểu diễn nói riêng đã và đang ảnh hưởng tới môi trường sáng tạo, đầu tư và được thể hiện ở những mặt sau:

Tình trạng xâm phạm quyền của người biểu diễn ngày càng mang tính chất phức tạp và có dấu hiệu phổ biến với mức độ nghiêm trọng ngày càng gia tăng. Các cuộc biểu diễn nghệ thuật, các bản

ghi âm, ghi hình, các bản định hình phim ảnh, các chương trình biểu diễn ca nhạc, chương trình truyền hình đã bị sao chép rất nhiều. Cùng với sự phát triển của công nghệ, phương tiện và công nghệ sao chép, bắt chước ngày càng được cải tiến và có mặt tại Việt Nam ngày một nhiều, nên sản phẩm vi phạm được sản xuất với số lượng lớn và tốc độ tăng nhanh.

Do tiến bộ của các phương tiện truyền tải tác phẩm trí tuệ như các phương tiện in đã được bổ sung thêm không ngừng bằng các phương tiện ghi âm và thu hình dưới hình thức các bản ghi như đĩa, băng cassette, phim và chương trình video. Tương tự như vậy, việc thương mại hóa máy tính một cách rộng rãi đã bổ sung thêm phương tiện ghi, lưu trữ và truyền tải thông tin. Gần đây nhất, sự phát triển của kỹ thuật số đã có tác động to lớn tới việc sáng tạo, phổ biến và sử dụng tác phẩm.

Có thể thấy tình trạng xâm phạm quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn đã ảnh hưởng không nhỏ tới người tiêu dùng và chủ sở hữu quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn. Việc sao chép trái phép cũng có thể làm tổn hại tới người biểu diễn, chủ sở hữu cuộc biểu diễn do thực tế của việc xâm phạm này là không trả thù lao cho tác giả và người biểu diễn cũng như đã cướp đoạt phần lợi nhuận của nhà sản xuất. Việc chuyển sai địa chỉ lợi ích kinh tế của chủ sở hữu cuộc biểu diễn và đối tác kinh doanh của họ vào túi những kẻ xâm phạm cũng đồng thời làm mất đi sự khuyến khích, kích thích đầu tư vào thời gian, công sức, kinh nghiệm - kiến thức hiểu biết và các nguồn lực để sáng tạo nên những tác phẩm mới.

Bên cạnh đó, lợi nhuận thu được từ hoạt động phân phối các sản phẩm sao chép lậu không phải chịu thuế nên dẫn tới hậu quả bất lợi từ việc thất thu thuế của chính phủ, từ đó có thể dẫn tới việc giảm mức tài trợ của Chính phủ cho nghệ thuật mà mức tài trợ này được xem xét vào mức đóng góp cho ngân sách chính phủ từ các khoản thuế thu được từ việc phân phối, bán, kinh doanh các sản phẩm được bảo hộ.

4. Bảo vệ quyền của người biểu diễn

Đứng trước thực trạng này các vụ việc tranh chấp về quyền liên quan ngày càng gia tăng với mức độ xâm phạm ngày càng nghiêm trọng, vấn đề bảo vệ quyền liên quan nói chung và quyền của người biểu diễn nói riêng ngày càng trở nên quan trọng. Trên thế giới hiện nay, giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự được đánh giá là cơ chế bảo vệ quyền phổ biến và hữu hiệu nhất. Trong pháp luật Việt Nam, biện pháp dân sự cũng thể hiện được những ưu thế riêng so với biện pháp hành chính và biện pháp hình sự. Nếu như biện pháp hành chính và biện pháp hình sự chỉ có ý nghĩa ngăn chặn hành vi xâm phạm, áp dụng các chế tài hành chính hoặc hình sự nhằm răn đe, giáo dục các đối tượng vi phạm thì trong biện pháp dân sự, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ bên cạnh quyền yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm còn có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với những thiệt hại thực tế do hành vi xâm phạm gây ra cả về vật chất lẫn tinh thần. Mặc dù vậy, thực tiễn xét xử trong những năm qua cho thấy có rất ít tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ được đưa ra giải quyết tại Tòa án, điều này không phản ánh đúng diễn biến tình hình tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong đời sống xã hội đang ngày càng đa dạng và phức tạp.

Vậy nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng bất cập giữa thực tiễn tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ với số lượng vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ nói chung được giải quyết tại Tòa án? Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án những năm vừa qua tác giả xin đưa ra một số hạn chế, bất cập trong thủ tục giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ và một số khó khăn, vướng mắc của việc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án hiện nay.

- Thứ nhất, thời gian giải quyết tranh chấp kéo dài.

Theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với vụ

án dân sự là 4 tháng, đối với các vụ án kinh doanh - thương mại là 2 tháng, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án; đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì có thể gia hạn nhưng không quá 2 tháng đối với vụ án dân sự và 1 tháng đối với vụ án kinh doanh thương mại. Trên thực tế, qua công tác nghiên cứu các hồ sơ vụ án cho thấy đa số các vụ án giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án thường bị kéo dài. Điều này xuất phát từ tính đặc thù của các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ là loại việc tương đối phức tạp, đòi hỏi trong quá trình giải quyết vụ án, các Tòa án thường phải trưng cầu ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và các cơ quan chức năng có liên quan để có kết luận đối với hành vi xâm phạm nên trong nhiều trường hợp Tòa án phải gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử. Thậm chí có trường hợp, Tòa án còn phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do cần chờ kết quả trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và các cơ quan chuyên môn.

Có thể nói, thời gian giải quyết kéo dài là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ e ngại trong việc khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích của mình trước các hành vi xâm phạm. Thay vào đó, họ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm để đảm bảo việc chấm dứt kịp thời, nhanh chóng các hành vi xâm phạm đó.

- Thứ hai, năng lực giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng được yêu cầu.

Pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là lĩnh vực pháp luật còn tương đối mới mẻ ở Việt Nam. Mặc dù thời gian qua ngành Tòa án cũng đã có sự quan tâm đúng mức đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ thẩm phán, song do tính phức tạp và đa dạng của các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ nên một số thẩm phán gặp không ít khó khăn trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp về

quyền sở hữu trí tuệ vì chưa đủ trình độ chuyên sâu về sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh đó, việc nhìn nhận, đánh giá về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các cơ quan chức năng nhiều khi không thống nhất được quan điểm. Chính vì thế, đã dẫn tới nhiều trường hợp, sau khi có phán quyết của Tòa án cấp phúc thẩm đối với vụ án rồi nhưng các bên đương sự vẫn viện dẫn các ý kiến đối lập với loại ý kiến được tham khảo để ra phán quyết tiếp tục khiếu nại, yêu cầu xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến ổn định xã hội.

- Thứ ba, khó khăn trong việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra.

Trước khi Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành, hầu như không có văn bản nào quy định về các căn cứ pháp lý để xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Do đó, đại đa số các trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại của mình hoặc xác định không chính xác mức bồi thường thiệt hại và không được Tòa án chấp nhận.

Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành đã bổ sung các quy định quan trọng về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 204) và căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 205). Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của loại tài sản “quyền sở hữu trí tuệ” nên nhiều trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại hoặc xác định không đầy đủ về những thiệt hại đã xảy ra trên thực tế (có thể nhiều hơn hoặc ít hơn thiệt hại thực tế xảy ra). Các căn cứ để xác định thiệt hại về vật chất như mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại hoặc các thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ mà trong phạm vi nghiên cứu này là cho người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan

đối với cuộc biểu diễn theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ trên thực tế là rất khó để xác định một cách chính xác và đầy đủ. Do vậy, khi giải quyết những vấn đề này, Tòa án đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc xác định thiệt hại để có được phán quyết chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

5. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo hộ quyền của người biểu diễn

Pháp luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện tại đã phần nào đáp ứng được vấn đề bảo hộ quyền liên quan nói chung và bảo hộ quyền của người biểu diễn nói riêng. Tuy nhiên, để các quy định của pháp luật thực sự đi vào đời sống, người biểu diễn thực sự được thụ hưởng các quyền và lợi ích chính đáng thì việc hoàn thiện các quy định của pháp luật sao cho đảm bảo tốt nhất các quyền và lợi ích này của người biểu diễn luôn là vấn đề cần thiết. Qua quá trình tìm hiểu và nghiên cứu tác giả đưa ra một vài kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo hộ quyền của người biểu diễn bao gồm: Thứ nhất, quy định về thời hạn bảo hộ quyền của người biểu diễn trong luật Sở hữu trí tuệ. Thứ hai, nâng cao mức phạt hành chính đối với hành vi vi phạm quyền của người biểu diễn. Thứ ba, thành lập tổ chức quản lý tập thể quyền của người biểu diễn.

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam đã quy định cụ thể các quyền của người biểu diễn nhưng để các quy định pháp luật thực sự đi vào đời sống, người biểu diễn thực sự được thụ hưởng các quyền mà pháp luật cho phép, cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho công chúng và trước hết là người biểu diễn, để từ đó hình thành ý thức tôn trọng, khai thác và sử dụng hợp pháp quyền của người biểu diễn. Chỉ khi các chủ sở hữu quyền hiểu rõ các quy định pháp luật và biết cách tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì công tác bảo hộ quyền của người biểu diễn mới đạt hiệu quả cao.

Khác với các loại hình quyền khác, quyền của người biểu diễn là quyền độc lập nhưng được hình thành và khai thác trong mối quan hệ đa dạng và phức tạp giữa người biểu diễn, tác giả tác phẩm được biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, các hãng phim và các nhà đầu tư cho cuộc biểu diễn. Vì vậy, khi thực hiện cuộc biểu diễn, người biểu diễn cần đặc biệt lưu ý thỏa thuận và làm rõ trong hợp đồng mối quan hệ cũng như quyền và nghĩa vụ giữa người biểu diễn với nhau, người biểu diễn với tác giả và người biểu diễn với nhà sản xuất. Các thỏa thuận hợp đồng sẽ giúp giảm thiểu tranh chấp và đồng thời cũng là cơ sở để giải quyết nếu tranh chấp phát sinh ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hoàng Hoa (2009) “Quyền của người biểu diễn”, <http://www.cov.gov.vn>.
2. Liên hợp quốc (1961), Công ước Rome bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng, Rome.
3. Quốc hội (2005), Luật Sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
4. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.
5. Chính phủ (2006), Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/09/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan, Hà Nội.
6. Chính phủ (2010), Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 6/7/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 19/7/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/8/2023

Thông tin tác giả:

TRẦN QUANG THỌ

Thạc sĩ Luật - Giảng viên Trường Quản trị và Kinh doanh

Đại học Quốc gia Hà Nội (HSB)

PROTECTING THE RIGHTS OF PERFORMERS UNDER VIETNAM'S LAW ON INTELLECTUAL PROPERTY

● **LLM. TRAN QUANG THO**

Lectuer, Hanoi School of Business & Management,
Vietnam National University - Hanoi

ABSTRACT:

This paper systematically summarizes the provisions on protecting the rights of performers and analyzes and evaluates the effectiveness of enforcing these provisions in Vietnam in comparison with the provisions of international treaties. This paper points out limitations and shortcomings and proposes directions to improve Vietnam's provisions on protecting the rights of performers.

Keywords: the rights of performers, protection of related rights under Vietnam's Law on Intellectual Property.